

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Thọ Nuôi.

2. Ông Võ Văn Thới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Kim X, sinh ngày 02/02/1983.

Địa chỉ: Ấp An Thuận, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Xuân V, sinh ngày 15/02/1982.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: #1209, Bukbu-ro, Angseong-myeon, Chungju-si, Chungcheonbuk-do, Hàn Quốc.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Kim X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Xuân V qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình ông bà không hợp nhau. Ông V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thỉnh thoảng mới về lại Việt Nam thăm bà và 02 con chung một lần. Đến năm 2018, ông V bận công việc tại Hàn Quốc và dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên ông V không về Việt Nam được cho đến nay, vì thế tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, thường xuyên cãi vã nhau, không còn tâm

sự hay trò chuyện cùng nhau nữa. Hiện nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, cuộc sống hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được nên bà làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết cho bà ly hôn, để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

- Về con chung: Bà và ông Trần Xuân V có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Duy P, sinh ngày 21/01/2017. Khi ly hôn bà và ông V thỏa thuận để bà là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông V tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Không có.

Đồng thời, vì điều kiện công việc không thể về để trực tiếp tiến hành thủ tục ly hôn nên kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt bà tại các buổi làm việc ở Tòa án.

Tại bản tường trình ngày 13/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Xuân V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với bà X về điều kiện kết hôn mà bà X trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ông sang Hàn Quốc hợp tác lao động vào tháng 04/2011, sau đó có quay về Việt Nam thăm bà X và con chung vài lần. Tuy nhiên, 03 năm trở lại đây do bận công việc và dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên ông không trở về Việt Nam được. Do xa cách nên ông và bà X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không còn liên lạc với nhau nữa và kinh tế của hai người cũng không còn liên qua nhau. Chính vì vậy, ông không thể tiếp tục tình trạng hôn nhân này được nữa nên bà X nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông đồng ý và mong Tòa án giải quyết cho ly hôn để ông bà được sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông và bà X có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Duy P, sinh ngày 21/01/2017. Khi ly hôn ông và bà X thỏa thuận để bà X là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

- Về cấp dưỡng: Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông và bà X tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nghĩa vụ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 đơn khởi kiện xin ly hôn (đã được hợp hóa lãnh sự), đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu không tổ chức hòa giải (đã được hợp hóa lãnh sự), bản tự khai, 01 passport (bản sao), 01 bản giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), giấy khai sinh (bản sao), giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Lê Kim X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Xuân V nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Bà Lê Kim X và ông Trần Xuân V đều có yêu cầu xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 Quyền số I/2010, ngày 09/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp thì bà Lê Kim X và ông Trần Xuân V là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Bà Lê Kim X cho rằng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không còn ở gần nhau quá lâu, dẫn đến khác biệt về tính tình, không còn tiếng nói chung, độc lập nhau về tài chính trong quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, cuộc sống hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được và ông Trần Xuân V cũng thừa nhận sự mâu thuẫn vợ chồng; đồng thời đồng ý ly hôn với bà X. Vì vậy, thấy rằng hôn nhân giữa bà X và ông V đã *"....lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[3.3] Về con chung: Bà Lê Kim X và ông Trần Xuân V khai thống nhất 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Duy P, sinh ngày 21/01/2017. Bà X và ông V có lời trình bày thống nhất để bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự khai thống nhất là tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Hai bên đương sự khai thống nhất là không có và không có người nào khác yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về cấp dưỡng: Bà X không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng 10.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, có lợi cho bà X và vì lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của ông V.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Kim X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim X.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim X được ly hôn với ông Trần Xuân V.

[2] Về con chung: Bà Lê Kim X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 23/02/2011 và Trần Duy P, sinh ngày 21/01/2017.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Xuân V cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn)/tháng/02 chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 06 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng lần đầu vào ngày 06/12/2021.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

[6.1] Buộc bà Lê Kim X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai thu số 0000004 ngày 11/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[6.2] Buộc ông Trần Xuân V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh